

Bản án số: 02/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 13/01/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Tịnh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Ông Bùi Long Hòa.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội: Bà Phạm Thanh Thúy – Kiểm Sát Viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 893/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Kim T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Phòng X, nhà Y, ngõ Thổ Quan, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

**-Bị đơn: Anh Phạm Đức C**, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: Phòng C, tập thể K, ngõ Văn Chương 2, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn ly hôn ngày 15/10/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu khác trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Vũ Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Phạm Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 31/12/2007. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống với nhau tại địa chỉ : Phòng X, tập thể K, số 33, ngõ Văn Chương 2, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội là nhà thuê của người khác. Vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh là do trong

cuộc sống có nhiều khó khăn, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, hay cãi vã sung đột, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2018, đến nay mỗi người ở một nơi khác nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội giải quyết để chị được ly hôn với anh Phạm Đức C.

Về con chung: Theo chị T trình bày: Chị và anh Phạm Đức C có 01 con chung là cháu Phạm An A sinh ngày: 03/6/2009. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Theo chị T trình bày: Chị và anh C không có tài sản chung. Ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Theo chị T trình bày: Chị và anh C không vay nợ ai và không cho ai vay nợ. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2019, và các biên bản lấy lời khai, hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Đức C trình bày:

Anh thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh và chị T như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh và chị T chung sống với nhau tại địa chỉ Phòng X, tập thể K, số 33, ngõ Văn Chương 2, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội là nhà ở thuê. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì vợ chồng anh và chị T mâu thuẫn không trầm trọng, mặt khác con anh còn nhỏ nên cần có sự quan tâm của cả bố và mẹ trường hợp chị T vẫn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Anh C thừa nhận giữa anh và chị T có 01 con chung là cháu Phạm An A- sinh ngày: 03/6/2009. Ly hôn, anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết để anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh C thừa nhận giữa anh và chị T không có tài sản chung. Ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh C thừa nhận anh và chị T không vay nợ ai và không cho ai vay nợ. Ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự tố tụng mà bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án, đại diện Viện kiểm sát quận Đống Đa kết luận có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh C. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm An A- sinh ngày: 03/6/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C. Về tài sản chung và nợ chung chị T và anh C không có, không yêu cầu nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp ly hôn, bị đơn là anh Phạm Đức C và nguyên đơn là chị Vũ Thị Kim T mặc dù cả chị T và anh C chưa có đăng ký hộ khẩu tại quận Đống Đa, tuy nhiên cả chị T và anh C đều đang cư trú và làm việc tại địa bàn quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị Kim T và anh Phạm Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 31/12/2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh C và chị T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Anh C và chị T đã sống ly thân từ tháng 4/2018, đến nay cả hai anh, chị đều không sinh sống cùng nhau mỗi người ở thuê nơi khác.

Xét những lý do chị T trình bày về mâu thuẫn vợ chồng và ý kiến không đồng ý ly hôn của anh C, căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai xác nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa: Có căn cứ để xác định từ giữa năm 2018 đến nay vợ chồng anh C và chị Thêu đã ly thân, mỗi người một nơi, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Kinh tế riêng biệt, không quan hệ tình cảm vợ chồng. Xét yêu cầu của các đương sự, căn cứ quy định điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “ Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc bền vững”. Trong quá trình giải quyết vụ án đối với trường hợp anh C, chị T, anh chị không có biện pháp nào chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình cảm vợ chồng chị T, anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu được ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Cả anh C và chị T đều xác nhận anh, chị có 01 con chung là cháu Phạm An A- sinh 03/6/2009, ly hôn cả chị T và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng

tiền nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của cả anh, chị đều là chính đáng thể hiện trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con cái điều đó là rất đáng trân trọng và cần ghi nhận, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng không căn cứ và nguyện vọng của người cha hay người mẹ mà phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con đảm bảo sự phát triển tốt nhất về mọi mặt đối với con chung. Xét điều kiện, hoàn cảnh và tính chất công việc của anh C và chị T, anh chị làm việc cùng một nơi, điều kiện nuôi dưỡng con chung của cả hai anh, chị đều có phần hạn chế do hiện nay cả hai anh chị đều đang thuê nhà ở, tuy nhiên hiện nay cháu A đang sinh sống cùng chị T và cháu A cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ nên bố, mẹ ly hôn. Nghĩ trong thời gian tới nên giao cháu A cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp với điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và hoàn cảnh đặc thù của chị T. Do chị T không yêu cầu nên tạm hoãn tiền đóng góp nuôi dưỡng con chung đối với anh C cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh C và chị T cùng xác định anh chị không có tài sản chung. Ly hôn, anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vay nợ chung: Anh C và chị T cùng xác định anh chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ. Ly hôn anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Vũ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vũ Thị Kim T đối với anh Phạm Đức C, chị T được ly hôn anh C.

2/ Về con chung: Xác nhận chị Vũ Thị Kim T và anh Phạm Đức C có 01 con chung là Phạm An A- sinh 03/6/2009. Giao con chung cho chị Vũ Thị Kim

T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C kể từ tháng 02/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi chị T có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Phạm Đức C được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị Vũ Thị Kim T và anh Phạm Đức C không có tài sản chung. Ly hôn, anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về vay nợ chung: Anh C và chị T xác nhận không có vay nợ ai và không cho ai vay nợ. Ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí: Chị Vũ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 9374 ngày 25/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự chị T, anh C. Chị T, anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa, TP. Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, TP Hà Nội;
- Đương sự;
- UBND xã Đông Các, Đông Hưng, Thái Bình;
- LưuHS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Tịnh**